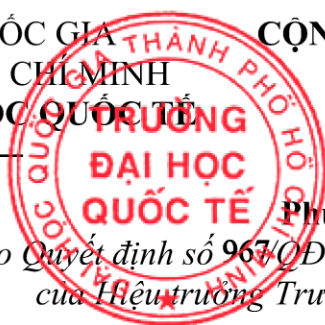




Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số 967/QĐ-ĐHQT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

**MỘT SỐ NỘI DUNG
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM**

(Phụ lục này dùng để tham khảo xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả kết quả rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ)

Tổng điểm đánh giá tối đa: 100 điểm

Tiêu chí/ Mức chuẩn thường (a)		Nội dung đánh giá (b)	Phụ trách
1. Ý thức và kết quả học tập (0-20đ)	<u>1.1</u>	Kết quả học tập:	Phòng Đào tạo Đại học
	<u>1.1.1</u>	+ 10đ: có kết quả học tập đạt loại Xuất sắc <100	
	<u>1.1.2</u>	+ 7đ: có kết quả học tập đạt loại Giỏi <90	
	<u>1.1.3</u>	+ 4đ: có kết quả học tập đạt loại Khá <80	
	<u>1.1.4</u>	+ 2đ: có kết quả học tập đạt loại dưới Trung bình <50	
	<u>1.2</u>	Nghiên cứu khoa học:	
	<u>1.2.1</u>	+ 5đ: Tham gia 01 chương trình nghiên cứu khoa học (nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia Chương trình, Cuộc thi nghiên cứu khoa học từ cấp Khoa trở lên)	Phòng Quản lý Khoa học
	<u>1.2.2</u>	- 5đ: Đăng ký tham gia đề tài nghiên cứu khoa học nhưng không thực hiện hoàn thành, hủy bỏ đề tài.	
	<u>1.2.3</u>	+ 10đ: Là thành viên đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic / kỳ thi học thuật cấp thành trở lên; Là thành viên của nhóm hoặc cá nhân đạt giải thưởng học thuật, sản phẩm nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng, khởi nghiệp từ cấp thành trở lên.	
	<u>1.2.4</u>	+ 5đ: Là thành viên tích cực của một Câu lạc bộ học thuật cấp khoa trở lên.	Khoa/Bộ môn
	<u>1.2.5</u>	+ 5đ: Là thành viên tham gia nghiên cứu thường xuyên tại các Phòng thí nghiệm.	Khoa/Bộ môn

	<u>1.3</u>	+ 2đ: Tham gia các khóa học đào tạo tăng cường về kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức làm việc... (có cấp giấy chứng nhận)	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên Phòng Công tác Sinh viên Các đơn vị khác
2. Chấp hành nội quy, quy chế nhà trường (0- 25đ)	<u>2.1</u>	Mỗi sinh viên được nhận 23 điểm nếu tuân thủ đúng các quy định của Lớp, Khoa, Trường, tham gia vào các hoạt động do lớp, khoa, trường tổ chức, xây dựng hình ảnh gương mẫu của sinh viên. Nếu sinh viên vi phạm sẽ bị trừ điểm theo quy định ở mục 2.2, 2.3, 2.4 và 2.5	Phòng Công tác Sinh viên
	<u>2.2</u>	Cho một lần sinh viên vi phạm nội quy, quy chế nhà trường:	Phòng Công tác Sinh viên Phòng Đào tạo Đại học Phòng Hợp tác Đào tạo nước ngoài Khoa/Bộ môn Các đơn vị
	<u>2.2.1</u>	- 10đ: Mức độ khiển trách.	
	<u>2.2.2</u>	- 15đ: Mức độ cảnh cáo.	
	<u>2.3</u>	- 5đ: cho một lần SV không tham gia sinh hoạt lớp, sinh hoạt do lớp và Khoa tổ chức mà không có lý do chính đáng.	Tập thể lớp/ Cố vấn Học tập
	<u>2.4</u>	- 5đ: cho một lần sinh viên vi phạm theo Quy chế Công tác sinh viên.	Phòng Công tác Sinh viên
	<u>2.5</u>	- 5đ: cho một lần vi phạm nội quy Ký túc xá, quy định nơi cư trú.	
	<u>2.6</u>	+ 2đ: Thực hiện đăng ký tạm trú; thực hiện khai báo, cập nhật thông tin nơi ở ngoại trú – nội trú theo quy định.	
	<u>2.7</u>	+ 1đ: Tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc đầy đủ, đúng quy định.	
	<u>2.8</u>	+ 1đ: Thực hiện khảo sát, đánh giá về học tập, chất lượng môn học, giảng viên theo quy định của Trường.	Phòng Công tác Sinh viên Các đơn vị

3. Kết quả hoạt động SV (0-20đ)	<u>3.1</u>	Hoạt động cộng đồng tại địa phương hoặc các tổ chức xã hội khác:	Phòng Công tác Sinh viên
	<u>3.1.2</u>	+ 1đ: Sinh viên tham gia và có giấy chứng nhận.	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>3.1.3</u>	+ 1đ: Sinh viên được tuyên dương, khen thưởng ở địa phương hoặc của các tổ chức xã hội (có giấy khen).	
	<u>3.2</u>	Hoạt động học thuật, sáng tạo, nghiên cứu khoa học và tăng cường kỹ năng	Khoa/Bộ môn
	<u>3.2.1</u>	+ 3đ: Sinh viên tham gia các lớp sinh hoạt chuyên đề học thuật, sáng tạo, nghiên cứu khoa học, tăng cường kỹ năng.	Phòng Quản lý
	<u>3.2.2</u>	+ 3đ: Sinh viên tham gia cuộc thi học thuật cấp trường.	Khoa học
	<u>3.2.3</u>	+ 4đ: Sinh viên tham gia cuộc thi học thuật hoặc có đề tài NCKH dự thi cấp ĐHQG trở lên.	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>3.2.4</u>	+ 1đ: Sinh viên tham gia tổ chức (căn cứ theo quyết định thành lập Ban tổ chức).	
	<u>3.3</u>	Hoạt động Hội nhập:	Phòng Công tác Sinh viên
	<u>3.3.1</u>	+ 2đ: Sinh viên tham gia các hội thảo, nói chuyện chuyên đề về Hội nhập.	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>3.3.2</u>	+ 2đ: Sinh viên tham gia đón các đoàn khách quốc tế giao lưu.	
	<u>3.3.3</u>	+ 4đ: Sinh viên là thành viên tham gia các hoạt động giao lưu, diễn đàn thanh niên quốc tế.	Các đơn vị
	<u>3.3.4</u>	+ 1đ: Sinh viên tham gia tổ chức (căn cứ theo quyết định thành lập Ban tổ chức).	
	<u>3.4</u>	Các hoạt động phong trào:	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>3.4.1</u>	+ 4đ: Sinh viên tham gia hoạt động cấp Thành.	
	<u>3.4.2</u>	+ 3đ: Sinh viên tham gia hoạt động cấp Trường.	
	<u>3.4.3</u>	+ 2đ: Sinh viên tham gia hoạt động cấp Khoa/Bộ môn.	
	<u>3.4.4</u>	+ 1đ: Sinh viên tham gia hoạt động cấp Chi Đoàn, Chi Hội, Lớp.	

	<u>3.5</u>	Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội	Phòng Công tác Sinh viên Các Câu lạc bộ Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>3.5.1</u>	+ 1đ: Tham gia hoạt động về nguồn, báo cáo chuyên đề về tình hình thời sự, chính trị, xã hội, hội nhập quốc tế, học tập nghị quyết của Đảng, Đoàn...do Trường tổ chức	
	<u>3.5.2</u>	+ 1đ: Tham gia hoạt động đối thoại với Khoa, Trường	
	<u>3.5.3</u>	+ 1đ: Có sự trưởng thành của bản thân qua các hoạt động rèn luyện: được công nhận là đoàn viên ưu tú, đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	
	<u>3.5.4</u>	+ 2đ: Sinh viên tích cực, có sự trưởng thành của bản thân qua các hoạt động, công tác Đảng: Đạt yêu cầu khi tham gia lớp Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng	
	<u>3.5.5</u>	+ 3đ: Tham gia hội thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cấp trường, cấp thành phố	
	<u>3.6</u>	+ 2đ: Sinh viên tham gia các hoạt động, lần huy động lực lượng các cấp.	Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>3.7</u>	+ 2đ: Tham gia các cuộc thi, hội thảo khác.	
	<u>3.8</u>	+ 5đ: Nhận được giấy chứng nhận danh hiệu Thanh niên khỏe.	
	<u>3.9</u>	+ 5đ: Sinh viên tố giác các hành vi phạm tội trong trường.	Phòng Công tác Sinh viên
	<u>3.10</u>	- 5đ: Sinh viên đăng kí tham gia các hoạt động phong trào nhưng vắng mặt vào thời gian diễn ra và không thông báo lý do chính đáng trước cho BTC.	Khoa/Bộ môn Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên Các đơn vị
	<u>3.11</u>	- 10đ: Sinh viên đăng kí tham gia các hoạt động phong trào nhưng vắng mặt vào thời gian diễn ra và không thông báo lý do chính đáng trước cho BTC từ 3 lần trở lên. (Trừ thêm khi sinh viên bị trừ 3 lần mục 3.10).	Khoa/Bộ môn Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên Các đơn vị

4. Quan hệ Cộng đồng (0-25đ)	<u>4.1</u>	+ 10đ: Mỗi sinh viên được nhận 10 điểm, nếu có vi phạm sẽ bị trừ điểm theo quy định ở mục 4.1.1 và 4.1.2	Phòng Công tác Sinh viên
	<u>4.1.1</u>	- 5đ: cho một lần vi phạm luật giao thông hoặc cho một lần vi phạm quy định địa phương nơi cư trú.	
	<u>4.1.2</u>	- 10đ: cho một lần Tham gia vào các hoạt động, các tổ chức làm mất an ninh, chính trị xã hội	
	<u>4.2</u>	Hoạt động tình nguyện:	Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>4.2.1</u>	Các hoạt động tình nguyện trong nhà trường:	
	<u>4.2.1.1</u>	+ 1đ: Sinh viên đạt khen thưởng về hoạt động tình nguyện cấp trường.	
	<u>4.2.1.2</u>	+ 2đ: Sinh viên đạt khen thưởng về hoạt động tình nguyện cấp Thành.	
	<u>4.2.1.3</u>	+ 3đ: Sinh viên đạt khen thưởng về hoạt động tình nguyện cấp Trung ương.	
	<u>4.2.1.4</u>	+ 1đ: Sinh viên tham gia Ban tổ chức hoạt động tình nguyện (căn cứ theo quyết định thành lập Ban tổ chức).	
	<u>4.2.2</u>	Các hoạt động cộng đồng tại địa phương hoặc các tổ chức xã hội khác:	
	<u>4.2.2.1</u>	+ 1đ: Sinh viên tham gia và có giấy chứng nhận.	
	<u>4.2.2.2</u>	+ 1đ: Sinh viên được tuyên dương, khen thưởng ở địa phương hoặc của các tổ chức xã hội (có giấy khen).	
	<u>4.3</u>	Là tình nguyện viên của các hoạt động, chương trình tình nguyện vì cộng đồng từ cấp lớp trở lên (đối với trong Nhà trường) hoặc tổ chức bởi đơn vị có tư cách pháp nhân và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, có thời gian lao động (là thời gian thực tế làm việc với cộng đồng thụ hưởng):	Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>4.3.1</u>	+ 5đ: Dưới 3 ngày (ngắn hạn)	
	<u>4.3.2</u>	+ 10đ: Từ 3 ngày trở lên (dài hạn)	
	<u>4.4</u>	+ 5đ: Tham gia hiến máu tình nguyện (có giấy chứng nhận)	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên

5. Công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Trường hoặc đạt được các thành tích đặc biệt (0-10đ)	<u>5.1</u>	Thành viên tại các CLB/Đội/Nhóm trực thuộc Khoa/Bộ môn/Phòng và Đoàn – Hội SV trường:	Khoa/Bộ môn Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên Các đơn vị
	<u>5.1.1</u>	+ 4đ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	
	<u>5.1.2</u>	+ 3đ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
	<u>5.1.3</u>	+ 2đ: Hoàn thành nhiệm vụ	
	<u>5.2</u>	Thành viên tại các CLB/Đ/N trực thuộc Đoàn – Hội SV cấp Khoa, Bộ môn:	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>5.2.1</u>	+ 3đ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	
	<u>5.2.2</u>	+ 2đ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
	<u>5.2.3</u>	+ 1đ: Hoàn thành nhiệm vụ	
	<u>5.3</u>	Cán bộ Đoàn TN/Hội SV:	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>5.3.1</u>	+ 5đ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	
	<u>5.3.2</u>	+ 4đ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
	<u>5.3.3</u>	+ 3đ: Hoàn thành nhiệm vụ	
	<u>5.4</u>	Cán bộ Đoàn – Hội có thành tích đặc biệt:	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>5.4.1</u>	+ 5đ: Khen thưởng cấp Trung ương	
	<u>5.4.2</u>	+ 4đ: Khen thưởng cấp Thành, ĐHQG.HCM	
	<u>5.4.3</u>	+ 3đ: Khen thưởng cấp Trường	
	<u>5.4.4</u>	+ 2đ: Khen thưởng cấp Đoàn trường, Hội Sv trường	
	<u>5.5</u>	Ban chủ nhiệm tại các CLB/Đội/Nhóm trực thuộc Khoa/Bộ môn và phòng:	Khoa/Bộ môn Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên Các đơn vị
	<u>5.5.1</u>	+ 5đ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	
	<u>5.5.2</u>	+ 4đ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
	<u>5.5.3</u>	+ 3đ: Hoàn thành nhiệm vụ	

6. Các nội dung cộng thêm (0-10đ)	<u>6.1</u>	Sinh viên có thành tích đặc biệt được khen thưởng:	Khoa/Bộ môn Phòng Công tác Sinh viên Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên Các đơn vị
	<u>6.1.1</u>	+ 5đ: Cấp Trung ương.	
	<u>6.1.2</u>	+ 4đ: Cấp Thành.	
	<u>6.1.3</u>	+ 3đ: Cấp ĐHQG.HCM.	
	<u>6.1.4</u>	+ 2đ: Cấp Trường.	
	<u>6.2</u>	Sinh viên tham gia các cuộc thi và đạt giải	
	<u>6.2.1</u>	+ 5đ: Cấp Trung ương.	
	<u>6.2.2</u>	+ 4đ: Cấp Thành.	
	<u>6.2.3</u>	+ 3đ: Cấp ĐHQG.HCM.	
	<u>6.2.4</u>	+ 2đ: Cấp Trường.	
	<u>6.2.5</u>	+ 1đ: Cấp Liên chi hội.	
	<u>6.3</u>	Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	Phòng Công tác Sinh viên
	<u>6.3.1</u>	+ 10đ: Người học mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ (có giấy chứng nhận).	
	<u>6.3.2</u>	+ 10đ: Người học mồ côi cả cha lẫn mẹ (có giấy chứng nhận).	
	<u>6.3.3</u>	+ 10đ: Người học có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn (có giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo).	
	<u>6.3.4</u>	+ 10đ: Người học bị khuyết tật, tàn tật.	Đoàn Thanh niên/ Hội sinh viên
	<u>6.4</u>	+ 5đ: Đạt danh hiệu “Đảng viên trẻ tiêu biểu”	

Tổng cộng (1+2+3+4+5+6): 0 - 100đ (không vượt quá 100).